

Số: 63 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 6 năm 2018

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI

Số: 2949

Đến Ngày: 22/6/2018

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

## BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm  
kế hoạch triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018  
(Tài liệu báo cáo tại Kỳ họp thứ sáu - HĐND tỉnh khoá XI)

Thực hiện Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh khoá XI, kỳ họp thứ năm về dự toán ngân sách địa phương và  
phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2018; qua 6 tháng tổ chức triển khai  
thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân  
sách 6 tháng đầu năm và kế hoạch triển khai nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng  
cuối năm 2018 như sau:

### PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

#### I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước

##### 1. Về thu ngân sách

Năm 2018, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia  
Lai 3.983 tỷ đồng. Dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 4.200 tỷ  
đồng (*Biểu số 01, số 02 kèm theo*).

6 tháng đầu năm 2018, dự ước thu 2.251,3 tỷ đồng, đạt 56,5% dự toán  
Trung ương giao, 53,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 3,3% so  
cùng kỳ. Cụ thể:

**1.1. Các khoản thu nội địa:** Ước thực hiện 6 tháng là 2.183 tỷ đồng, đạt  
57,7% dự toán Trung ương giao, 54,5% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao,  
tăng 7,6% so với cùng kỳ.

##### Các khoản thu đạt và vượt tiến độ (11 khoản)

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ước thực hiện 20 tỷ đồng,  
đạt 60,6% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 24,1% so  
với cùng kỳ.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 7,8 tỷ,  
đạt 260% dự toán Trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, gấp 5 lần so  
với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp của  
Công ty TNHH Thương mại và Chế biến Lois Dreyfus Company Việt Nam ước

nộp 2,6 tỷ đồng (*6 tháng 2017 nộp 0,1 tỷ đồng*) và Công ty TNHH Olam Việt Nam ước nộp 1,5 tỷ đồng (*6 tháng 2017 nộp 0,09 tỷ đồng*); thuế nhà thầu nước ngoài lắp ráp máy móc thiết bị cho Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Cao Nguyên nộp 2 tỷ đồng (*6 tháng 2017 không phát sinh*).

- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 600 tỷ đồng, đạt 52,2% dự toán Trung ương giao, 51,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Nguyên nhân chủ yếu thu nợ thuế của Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai (*ước nộp khoảng 30 tỷ đồng thuế thu nhập doanh nghiệp*); phát sinh sau quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 của Công ty cổ phần Quốc Cường (*ước nộp khoảng 78,8 tỷ đồng*);...

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 4 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương, 80% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 171,5 tỷ đồng, đạt 60,2% dự toán Trung ương và dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 30,4% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do tăng thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công do tăng mức lương tối thiểu vùng (*ước tăng từ tiền lương, tiền công gần khoảng 30 tỷ so cùng kỳ năm trước*).

- Thu phí và lệ phí: Ước thực hiện 48 tỷ đồng, đạt 52,2% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 3,1% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 270 tỷ đồng, đạt 108% dự toán Trung ương giao, 63,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do thu tiền sử dụng đất từ các dự án (*Suối Hội Phú: 4 tỷ đồng; Công ty FBS: 27 tỷ đồng; Khu tái định cư xã Trà Đa: 10 tỷ đồng; Dự án VK-Hland: 21 tỷ đồng và dự kiến thu tiền sử dụng đất đấu giá đất khu đường Nguyễn Chí Thanh: 40 tỷ đồng; chuyển mục đích của Công ty Sơn Hải: 37,5 tỷ đồng;...*);

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 49 tỷ đồng, đạt 81,7% dự toán Trung ương giao, 77,2% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 14,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: Đạt cao so dự toán phát sinh tiền thuê đất 50 năm nộp tiền một lần; giảm so với cùng kỳ do các dự án nộp tiền thuê đất giảm so với cùng kỳ.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 35 tỷ đồng, đạt 350% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 199% so với cùng kỳ.

- Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 6 tháng là 78 tỷ đồng, đạt 67,8% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 11% so với cùng kỳ.

- Thu từ các biện pháp tài chính: Ước thực hiện 83 tỷ đồng đạt 57,2% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 22% so với cùng kỳ.

#### **Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm có 03 khoản thu không đạt tiến độ, gồm:**

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Ước thực hiện 440 tỷ đồng, đạt 51% dự toán Trung ương giao, 49,4% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao,

giảm 7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do giảm sản lượng phát điện các công ty thủy điện và giá tính thuế GTGT thủy điện giảm so cùng kỳ năm trước (*các công ty thủy điện ước giảm 63,2 tỷ đồng so cùng kỳ năm trước*); giá tính thuế giá trị gia tăng các thủy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) áp dụng năm 2018 là 613,36 đồng/kwh (*tại công văn số 1687/EVN-TCKT ngày 06/4/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam*), giảm 14% so cùng kỳ năm trước.

- Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 113 tỷ đồng, đạt 47,1% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 13,9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do chuyển nhượng bất động sản thấp không bảo đảm theo tiến độ dự toán được giao.

- Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 256 tỷ đồng, đạt 49,2% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 0,9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng xăng dầu tiêu thụ giảm so với cùng kỳ.

**1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** Ước thực hiện 63 tỷ đồng, đạt 31,8% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 68,2% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân: Năm 2018 không phát sinh nguồn thu mới; nguồn thu chủ yếu là thuế VAT nhập khẩu máy móc, thiết bị và thuế VAT gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, qua lối mở không còn.

### **1.3. Tình hình thực hiện của thu ngân sách nhà nước của các huyện, thị xã, thành phố 6 tháng đầu năm 2018**

- Nêu tính cả thu tiền sử dụng đất:

+ Có 14 huyện, thị xã, thành phố đạt và vượt tiến độ thu, gồm: Ia Pa (148,3%), Phú Thiện (108,7%), Chư Păh (80,5%), Đak Đoa (78,8%), Krông Pa (75,3%), Chư Prông (74%), Chư Puh (70,8%), Ia Grai (65,9%), K'Bang (63,6%), Mang Yang (60,1%), Pleiku (57,3%), Chư Sê (54,8%), Ayun Pa (53,9%), Kong Chro (51,5%).

+ Có 03 thị xã, huyện không đạt tiến độ thu: An Khê (47%), Đak Pơ (46,6%), Đức Cơ (44,9%).

- Nêu không tính thu tiền sử dụng đất:

+ Có 13 huyện, thị xã, thành phố đạt và vượt tiến độ thu, gồm: Ia Pa (149%), Phú Thiện (94,1%), Krông Pa (77,9%), Chư Prông (72,9%), Chư Sê (70,8%), K'Bang (59,6%), Đak Đoa (59,5%), Pleiku (57,3%), Mang Yang (56,1%), Ia Grai (55%), Ayun Pa (52,9%), Chư Puh (52,4%), Đak Pơ (51,8%).

+ Có 04 thị xã, huyện không đạt tiến độ thu, gồm: Kong Chro (49,5%), Chư Păh (49,3%), Đức Cơ (47,3%), An Khê (46,6%).

(*Chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo*)

### **1.4. Tình hình nợ thuế**

Đến 30/4/2018, tổng nợ thuế là 908,4 tỷ đồng, giảm 0,4% (*giảm 3,7 tỷ đồng*) so với thời điểm 31/12/2017. Trong đó: Nợ khó thu là 573,8 tỷ đồng, tăng 1,8% (*tăng 10,1 tỷ đồng*); nợ chờ xử lý 30,2 tỷ đồng, giảm 64,5 % (*giảm 54,9 tỷ*

đồng); nợ đến 90 ngày và nợ trên 90 ngày là 304,4 tỷ đồng, tăng 15,6% (tăng 41,1 tỷ đồng). Cơ quan thuế áp dụng các biện pháp thu nợ thuế và thu được tiền thuế nợ năm 2017 chuyển sang là 171,8 tỷ đồng.

## 2. Về chi ngân sách địa phương

Dự ước số chi ngân sách địa phương thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 đạt 5.077 tỷ đồng, bằng 44,1% dự toán Trung ương giao, 42,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 13,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

2.1. Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:

Ước thực hiện 651,4 tỷ đồng, bằng 53,7% dự toán Trung ương giao, 42% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 54,7% so với cùng kỳ.

2.2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 3.485,3 tỷ đồng, đạt 45,4% dự toán Trung ương giao, 44,5% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 0,9 % so với cùng kỳ.

Năm 2018 đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương với số tiền 200.396 triệu đồng (ngân sách cấp tỉnh 84.196 triệu đồng; ngân sách cấp huyện 116.200 triệu đồng).

2.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu do ngân sách Trung ương bổ sung:

Ước thực hiện 933,5 tỷ đồng, đạt 40,4% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó: Vốn xây dựng cơ bản ước thực hiện 694,2 tỷ đồng, đạt 40% dự toán giao Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao); chi sự nghiệp ước thực hiện 239,2 tỷ đồng, đạt 41,6% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

UBND tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo Kho bạc Nhà nước Gia Lai phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị dự toán chủ động rà soát, nắm chi tiết tình hình giải ngân vốn đầu tư kế hoạch năm 2018 và vốn đầu tư kế hoạch năm 2017 chuyển sang của từng dự án; nắm bắt nguyên nhân, vướng mắc trong công tác quản lý, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản để kịp thời giải quyết; đáp ứng kịp thời các khoản chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, quy trình.

2.4. Tình hình ước thực hiện chi ngân sách địa phương đến ngày 30/6/2018 các huyện, thị xã, thành phố: Chư Sê (60,9%), Ia Grai (57%), Pleiku (54%), Chư Păh (52,9%), Chư Prông (52,4%), Đức Cơ (51,8%), Ayun Pa (51%), K'Bang (50,9%), Kong Chro (47,5%), Đak Đoa (47%), Chư Püh (46,5%), Ia Pa (46,3%), Krông Pa (45,6%), Đak Pơ (44,5%), Phú Thiện (44,4%), An Khê (44,2%), Mang Yang (40,6%).

(Chi tiết tại phụ lục số 04 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh đã xử lý chuyển nguồn kinh phí năm 2017 chưa sử dụng sang năm 2018 để tiếp tục theo dõi, sử dụng với số tiền 52,2 tỷ đồng (ngân sách địa phương là 6,1 tỷ đồng, ngân sách trung ương bổ sung 46,1 tỷ đồng).

2.5. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2018:

- Dự toán năm 2018 là 71.500 triệu đồng.
- Số kinh phí đã có quyết định sử dụng là 11.287,6 triệu đồng.
- Nguồn dự phòng còn lại là 60.212,4 triệu đồng.

(*Chi tiết tại phụ lục số 05 kèm theo*)

#### **Đánh giá chung:**

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao, ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp với các địa phương triển khai nhiều biện pháp trong công tác thu ngân sách như: chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; thúc đẩy sản xuất kinh doanh; tập trung xử lý các khoản nợ thuế tồn đọng; chỉ đạo các địa phương đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình, nhờ đó thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 đảm bảo đạt và vượt tiến độ thu theo dự toán đề ra.

Công tác quản lý, điều hành chi tiêu ngân sách thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo các nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra. Đã đảm bảo cho nhu cầu chi đầu tư phát triển, an sinh xã hội, an ninh quốc phòng; lồng ghép nhiều khoản kinh phí để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm trong việc quản lý sử dụng vốn ngân sách qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước. Nhờ đó kỷ luật về tài chính đã được thực hiện nghiêm hơn trước.

### **PHẦN THỨ HAI CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

Để phấn đấu đạt mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018, giải ngân kịp thời, đúng quy định các nguồn vốn xây dựng cơ bản, đảm bảo kinh phí chi thường xuyên đúng chế độ, chính sách theo dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra; 6 tháng cuối năm 2018, UBND tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý tài chính - ngân sách như sau:

#### **1. Về thu ngân sách:**

- Tổ chức triển khai và hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của địa phương, phấn đấu thu đạt và vượt dự toán thu ngân sách

nha nước được giao tại Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh.

- Ngành thuế chủ động phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp, các ngành liên quan phân tích, đánh giá tiến độ thu ngân sách hàng tháng, hàng quý nhằm triển khai có hiệu quả các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn một cách đồng bộ, quyết liệt, cụ thể:

+ Thực hiện công khai các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý để người nộp thuế biết, giám sát việc thực thi pháp luật thuế của công chức thuế; tổ chức tuyên dương kịp thời các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và tổ chức đối thoại doanh nghiệp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh.

+ Chủ động làm việc với các doanh nghiệp lớn trên địa bàn để nắm chắc tình hình sản xuất kinh doanh, theo dõi đôn đốc thu kịp thời vào ngân sách nhà nước các khoản thu phát sinh. Phối hợp với các ban quản lý dự án trên địa bàn để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nhận thầu thi công công trình thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế kịp thời theo quy định. Rà soát, đôn đốc người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế năm 2017 và nộp vào ngân sách các khoản thuế chênh lệch sau quyết toán thuế; thực hiện giải quyết miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế kịp thời, đúng quy định.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo kế hoạch; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế nhằm đảm bảo tính nghiêm minh, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật về thuế, tạo sự công bằng và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Đôn đốc người nộp thuế nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước các khoản thu theo kiến nghị, kết luận của kiểm toán, thanh tra và sau kết luận thanh kiểm tra thuế.

+ Rà soát, thống kê các hộ sản xuất kinh doanh để cấp mã số thuế và đưa vào quản lý thu đầy đủ bộ thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên theo đúng thực tế phát sinh. Đưa vào lập bộ thu thuế chống thất thu ngân sách trên địa bàn trong các lĩnh vực: Khai thác tài nguyên khoáng sản, xây dựng cơ bản tư nhân, quản lý hộ kinh doanh; các hoạt động sản xuất vãng lai và các công trình của tư nhân.

+ Thực hiện quyết liệt các giải pháp thu nợ thuế; công khai lên các phương tiện thông tin đại chúng, website ngành thuế các tổ chức, cá nhân nợ đọng thuế lớn, dây dưa, kéo dài.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh trên thị trường, ngăn ngừa những hành vi kinh doanh trái pháp luật làm mất ổn định thị trường và ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng; đẩy mạnh công tác phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, mở rộng thị trường kinh doanh.

- Xác định các khoản chi phí bồi thường được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; kịp thời thẩm định giá đất, phí dịch vụ, điều chỉnh kịp thời khi có biến động theo chỉ đạo của Bộ Tài chính nhằm đẩy nhanh tiến độ giao đất, đấu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để khai thác nguồn thu từ đất; hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân thực hiện các thủ tục thuê đất đối với diện tích đất vượt hạn điền và cung cấp thông tin cho cơ quan thuế để thông báo hộ gia đình, cá nhân nộp tiền thuê đất theo quy định, để khai thác nguồn thu từ đất.

- Kho bạc nhà nước thực hiện giải ngân vốn xây dựng cơ bản kịp thời để các đơn vị thực hiện nghĩa vụ thuê và điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất đúng theo phân cấp.

## 2. Về công tác quản lý chi ngân sách địa phương:

- Triển khai thực hiện tốt chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 1236/UBND-NC ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra tại Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/12/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp tục triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công, phê duyệt mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

- Khẩn trương triển khai thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2017-2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm, kịp thời các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đôn đốc các ban quản lý dự án, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện công tác đăng nhập, đăng ký thông tin dự án, công tác thanh, quyết toán vốn đầu tư, công tác lập, thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đúng theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Báo cáo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, năm) tình hình quyết toán dự án hoàn thành, danh mục các dự án đã thẩm tra phê duyệt quyết toán và xử lý những công trình thiếu vốn, không để nợ đọng xây dựng cơ bản. Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán, kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Tập trung giải ngân các nguồn vốn, kinh phí theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân khi thực hiện cánh đồng mẫu lớn theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình hành động về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kế hoạch khắc phục kết luận, kiến nghị của kiểm toán, thanh tra; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và công khai hóa các quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý điều hành tài chính - ngân sách.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021.

Trên đây là những nội dung cơ bản về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2018 và kết quả thực hiện Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ sáu để theo dõi, giám sát./. HN

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh uỷ (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNNS-HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở KHĐT;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Hoàng**



**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018  
(kèm theo Báo cáo số 63 /BC-UBND ngày 1/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai)**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện 6 tháng năm 2017	Lũy kế thực hiện 6 tháng năm 2018	(% ) thực hiện 6 tháng so với dự toán HĐND tỉnh giao		So chung kỳ năm trước <i>đ/c</i>
					7=5/1	7=5/2	
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>6=5/1</b>	<b>7=5/2</b>	<b><i>đ/c</i></b>
<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)</b>	<b>3.983.000</b>	<b>4.200.000</b>	<b>2.180.406</b>	<b>2.251.300</b>	<b>56,5%</b>	<b>53,6%</b>	<b>103,3%</b>
<b>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>3.983.000</b>	<b>4.200.000</b>	<b>2.175.339</b>	<b>2.246.000</b>	<b>56,4%</b>	<b>53,5%</b>	<b>103,2%</b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>3.785.000</b>	<b>4.002.000</b>	<b>2.029.581</b>	<b>2.183.000</b>	<b>57,7%</b>	<b>54,5%</b>	<b>107,6%</b>
<b>Cục thuế quản lý thu</b>	<b>3.640.000</b>	<b>3.857.000</b>	<b>1.962.037</b>	<b>2.100.000</b>	<b>57,7%</b>	<b>54,4%</b>	<b>107,0%</b>
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	863.000	891.100	472.935	440.000	51,0%	49,4%	93,0%
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	33.000	33.000	16.111	20.000	60,6%	60,6%	124,1%
3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.000	3.000	1.557	7.800	260,0%	260,0%	501,0%
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.150.000	1.157.400	519.143	600.000	52,2%	51,8%	115,6%
5. Lệ phí trước bạ	240.000	240.000	99.247	113.000	47,1%	47,1%	113,9%
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			262	300			114,5%
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	5.000	3.419	4.000	100,0%	80,0%	117,0%
8. Thuế thu nhập cá nhân	285.000	285.000	131.519	171.500	60,2%	60,2%	130,4%
9. Thuế Bảo vệ môi trường	520.000	520.000	258.275	256.000	49,2%	49,2%	99,1%
10. Thu phí và lệ phí	92.000	92.000	46.552	48.000	52,2%	52,2%	103,1%
11. Tiền sử dụng đất	250.000	427.000	262.986	270.000	108,0%	63,2%	102,7%
12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	63.500	57.183	49.000	81,7%	77,2%	85,7%
13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			214	400			186,9%
14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	10.000	10.000	11.705	35.000	350,0%	350,0%	299,0%
15. Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN			2.192	2.600			
16. Thu Xô số kiến thiết	115.000	115.000	70.250	78.000	67,8%	67,8%	111,0%
17. Thu khác.	160.000	160.000	76.031	87.400	54,6%	54,6%	115,0%
- Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	15.000	15.000	8.487	4.400	29,3%	29,3%	51,8%
- Thu biện pháp tài chính khác	145.000	145.000	67.544	83.000	57,2%	57,2%	122,9%
II. Thuế XK, NK, TTDB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu.	198.000	198.000	145.758	63.000	31,8%	31,8%	43,2%
III. Thu viện trợ			5.067	5.300			
B. Các khoản thu quản lý qua ngân sách							104,6%

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện 6 tháng năm 2017	Lũy kế thực hiện 6 tháng năm 2018	(% ) thực hiện 6 tháng so với dự toán	
					So với dự toán HĐND tỉnh giao	So với dự toán BTC giao
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>6=5/1</i>	<i>7=5/2</i>
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C)</b>						
<b>A. Chi cần đối NSDP</b>	<b>11.509.473</b>	<b>12.002.230</b>	<b>4.474.221</b>	<b>5.076.970</b>	<b>44,1%</b>	<b>42,3%</b>
<b>B. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>9.199.670</b>	<b>9.692.427</b>	<b>3.876.141</b>	<b>4.138.179</b>	<b>45,0%</b>	<b>42,7%</b>
I. Chi đầu tư phát triển	1.212.720	1.551.099	421.052	651.462	53,7%	42,0%
II. Chi thường xuyên	7.670.611	7.827.931	3.453.689	3.485.318	45,4%	44,5%
III. Chi bổ sung quý dự trữ tài chính địa phương	1.400	1.400	1.400	1.400	100,0%	100,0%
IV. Chi cải cách tiền lương	130.699	122.248				
IV. Dự phòng ngân sách	184.040	189.549				
B. Các khoản chi quản lý qua ngân sách			<b>5.067</b>	<b>5.300</b>		<b>95,8%</b>
C. Chi thực hiện các chương trình MTTQG, chương trình 135, và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.309.803	2.309.803	593.013	933.491	40,4%	40,4%
						<b>157,4%</b>

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018**  
*(kèm theo Báo cáo số 65 /BC-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai)*



<i>ĐVT: Triệu đồng</i>						
Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND giao	Lũy kế thực hiện đến 30/6/2017	Lũy kế ước thực hiện đến 30/6/2018	% so với dự toán BTC HĐND tỉnh giao	% so với dự toán
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4/1</i>	<i>6=4/2</i>
<b>Tổng số</b>	<b>3.983.000</b>	<b>4.200.000</b>	<b>2.180.406</b>	<b>2.251.300</b>	<b>56,5</b>	<b>53,6</b>
1) Cục thuế quản lý (bao gồm thu xô số kiến thiết)	3.640.000	3.857.000	1.962.037	2.100.000	57,7	54,4
2) Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý	145.000	145.000	72.611	88.300		107,0
- Thu khác cần đối	145.000	145.000	67.544	83.000	57,2	60,9
- Thu khác quản lý qua ngân sách			5.067	5.300		121,6
3) Thuế XK, NK, TTDB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu	198.000	198.000	145.758	63.000	31,8	43,2

**TỈNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/6/2018 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ  
(kèm theo Báo cáo số 65 /BC-UBND ngày 2/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai)**

ĐVT: Triệu đồng

Số T T		Đơn vị		Ước thực hiện đến ngày 30/6/2018	Gồm	% Thực hiện so với dự toán							
				Tổng thu NSNN (kế cả tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại	% so với dự toán năm (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế cá nhân sử dụng đất	Thuế (kế cả tiền sử dụng đất)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)
A	B	6 = 7+8	6a=7+10	7	8=9+10	9	10	11	11a=6/1	11a=6/1a	12=7/2	13 = 8/3	14=10/5
1	IaPa	15.424	14.604	962	14.462	820	13.642	148,3%	149,0%	56,6%	166,2%	168,4%	103,0%
2	Phú Thiện	22.011	16.511	849	21.162	5.500	15.662	108,7%	94,1%	36,1%	118,2%	109,1%	84,0%
3	Krông Pa	16.558	12.858	1.606	14.952	3.700	11.252	75,3%	77,9%	51,8%	79,1%	84,0%	73,2%
4	Chư Prông	37.000	28.500	2.000	35.000	8.500	26.500	74,0%	72,9%	69,0%	74,3%	74,3%	60,4%
5	Chư Sê	50.000	30.000	6.500	43.500	20.000	23.500	54,8%	70,8%	185,7%	49,6%	57,5%	52,0%
6	KBang	20.896	16.946	3.478	17.417	3.950	13.467	63,6%	59,6%	136,4%	57,5%	62,7%	62,7%
7	Đăk Đoa	36.941	21.441	746	36.195	15.500	20.695	78,8%	59,5%	24,5%	82,6%	82,6%	57,0%
8	Pleiku	506.417	351.537	7.840	498.577	154.880	343.697	57,3%	57,3%	74,7%	57,0%	57,0%	52,0%
9	Mang Yang	14.428	10.378	1.627	12.801	4.050	8.751	60,1%	56,1%	90,4%	57,7%	52,4%	55,2%
10	Ia Grai	32.740	23.740	2.000	30.740	9.000	21.740	65,9%	55,0%	53,3%	67,0%	67,0%	55,2%
11	AyunPa	30.888	26.888	1.828	29.060	4.000	25.060	53,9%	52,9%	67,7%	53,2%	52,0%	52,0%
12	Chư Put	19.536	9.336	1.771	17.765	10.200	7.565	70,8%	52,4%	68,1%	71,1%	49,8%	50,2%
13	Đăk Pa	9.274	8.024	1.394	7.880	1.250	6.630	46,6%	51,8%	60,6%	44,8%	44,8%	43,2%
14	Kông Chro	10.437	8.687	849	9.588	1.750	7.838	51,5%	49,5%	36,1%	53,6%	51,6%	45,9%
15	Chư Păh	25.596	10.296	1.275	24.321	15.300	9.021	80,5%	49,3%	56,7%	82,3%	48,4%	43,2%
16	Đức Cơ	18.190	13.990	2.450	15.740	4.200	11.540	44,9%	47,3%	84,5%	41,9%	41,9%	45,9%
17	An Khê	39.511	32.111	2.340	37.171	7.400	29.771	47,0%	46,6%	57,1%	46,5%	45,9%	45,9%
18	Văn phòng Cục	1.189.753	1.189.753	-	-	-	-	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%	49,6%
19	Đơn vị TW và tỉnh	155.700	155.700	-	-	-	-	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%	54,0%
T.tổ	XNK	63.000	1.981.300	195.215	2.056.085	270.000	1.786.085	53,60%	52,51%	56,91%	53,31%	52,07%	52,07%

**TỈNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẾN NGÀY 30/6/2018**  
 (kèm theo Báo cáo số 6) /BC-UBND ngày 1/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2018										Ước thực hiện đến ngày 30/6/2018						
		Trong đó					Trong đó					Trong đó			Trong đó			
		Dự phòng ngân sách	Chi CCTL	Tổng chi NS huyện-xã	Dầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng ngân sách	SN KHVN	SN KHCN	SN KHCN	SN KHCN	SN KHCN	SN KHCN	SN KHCN	Chi CCTL	Chi Quản lý qua NS	% Thực hiện/ĐVT toán	
A	B	1=2+3+7+8	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11+15+1 6+17	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Chư Sê	510.125	69.000	431.899	245.116	410	7.034	9.226		310.916	80.000	180.000	96.260	8.000	50.499		417	60,9%
2	Ia Grai	394.919	22.800	364.351	204.214	350	4.730	7.768		225.000	25.000	196.000	93.390	2.450	4.000			57,0%
3	Pleiku	857.511	228.000	613.185	298.788	510	15.439	13.410	2.916	462.904	157.000	305.904	150.054					54,0%
4	Chư Păh	339.258	24.400	308.291	155.263	350	4.230	6.567		179.576	17.878	161.659	76.574	150	892	40		52,9%
5	Chư Prông	461.895	30.200	422.675	229.267	350	5.261	9.020		242.000	22.000	217.000	115.000	180	1.600	3.000		52,4%
6	Đức Cơ	346.651	23.800	316.136	178.557	350	4.212	6.715		179.500	18.000	159.700	100	2.500	1.800			51,8%
7	AyunPa	212.206	20.700	185.700	87.586	410	4.902	4.114	1.692	108.240	14.500	92.967	37.800	200	1.500	350	423	51,0%
8	KBang	364.303	21.300	335.805	181.135	350	4.302	7.198		185.594	18.631	166.804	86.417	150	809		160	50,9%
9	Kông Chro	289.569	18.300	265.532	136.947	350	3.222	5.737		137.418	7.767	129.609	69.877	4	547	42		47,5%
10	Đăk Đoa	410.466	27.100	375.373	201.055	350	4.747	7.993		193.066	14.923	178.143	97.312		2.966			47,0%
11	Chư Puh	296.217	21.600	268.889	150.412	350	3.750	5.728		137.830	13.840	118.803	60.000	3.800	4.687		500	46,5%
12	IaPa	284.532	13.900	264.953	131.256	350	3.174	5.679		131.678	6.488	125.066	69.817	60		124		46,3%
13	Krông Pa	391.280	23.100	360.464	197.542	350	4.607	7.716		178.532	9.333	169.104	72.000	1.500	95			45,6%
14	Đăk Pơ	203.271	14.300	184.994	91.560	350	2.589	3.977		90.500	5.600	84.750	38.000	50	420	150		44,5%
15	Phú Thiện	299.838	14.600	279.295	147.596	350	3.892	5.943		133.249	8.976	123.154	65.915	652	1.118			44,4%
16	An Khê	286.434	31.000	250.007	123.788	410	5.437	5.427		126.673	12.417	114.135	49.700	2.000		121		44,2%
17	Mang Yang	297.044	18.900	272.313	144.489	350	3.310	5.831		120.653	8.062	112.391	63.056	90	200			40,6%
	Tổng cộng	6.245.519	623.000	5.499.862	2.904.571	6.290	34.838	118.049	4.608	3.143.330	440.414	2.635.189	1.300.871	894	29.725	66.227	423	50,3%

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên (kể cả bổ sung có mục tiêu)

(2) Chi Sư nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Day nghề (kể cả bổ sung có mục tiêu)



**BIỂU CHI TIẾT SỬ DỤNG NGUỒN ĐẦU PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2018**  
*(kèm theo Báo cáo số: 63 BC-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Tổng số			11.287,6
1	46/QĐ-UBND	5/2/2018	Hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh	150,0
2	87/QĐ-UBND	5/3/2018	Kinh phí thực hiện phim tư liệu "Gia Lai - Miền di sản"	60,0
3	111/QĐ-UBND	20/3/2018	Kinh phí chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng ngô năm 2017	51,6
4	118/QĐ-UBND	27/3/2018	Kinh phí sửa chữa một số tài sản cần thiết phục vụ hoạt động UBND tỉnh	485,5
5	122/QĐ-UBND	30/3/2018	Kinh phí tổ chức các hoạt động đón tiếp Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Lào sang thăm và làm việc tại tỉnh	224,0
6	125/QĐ-UBND	3/4/2018	Kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an và tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	52,0
7	124/QĐ-UBND	2/4/2018	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật và thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2018	7.689,5
8	129/QĐ-UBND	4/4/2018	Kinh phí tổ chức Hội thảo "Kiến tạo các chuỗi giá trị quan trọng cho hai nền kinh tế Việt Nam và Australia	203,0
9	167/QĐ-UBND	24/4/2018	Kinh phí tổ chức cuộc thi "Tìm hiểu về căn cứ cách mạng Khu 10 - xã Krong huyện Kbang, giai đoạn 1945-1975	150,4
10	168/QĐ-UBND	24/4/2018	Kinh phí sửa chữa và làm các thủ tục cần thiết để đưa xe ô tô Toyota Camry vào phục vụ công tác	185,0
11	169/QĐ-UBND	24/4/2018	Kinh phí tổ chức cho Đoàn cán bộ lãnh đạo của tỉnh đi Trường Sa, nhà giàn DK1 năm 2018	650,0
12	193/QĐ-UBND	10/5/2018	Kinh phí đăng cai tổ chức các giải thể thao năm 2018	934,0
13	211/QĐ-UBND	16/5/2018	Kinh phí hỗ trợ cho đoàn Cựu tù chính trị yêu nước các tỉnh đến thăm di tích Nhà lao Pleiku	10,0
14	224/QĐ-UBND	22/5/2018	Kinh phí phục vụ Lễ đón nhận, truy điệu, an táng liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong thời kỳ chiến tranh ở Campuchia do đội K52 tìm kiếm, quy tập trong mùa khô 2017-2018	242,6
15	225/QĐ-UBND	22/5/2018	Kinh phí hỗ trợ cho Liên đoàn lao động tỉnh tổ chức Đại hội Công đoàn tỉnh Gia Lai lần thứ X, nhiệm kỳ 2018-2023	200,0